**DANH SÁCH CÁC LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế**

1. **KHÓA I (2014 - 2016)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Hoạt động thanh toán quốc tế bằng phương thức tín dụng chứng từ tại ngân hàng thương mại: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | **Ngô Thị Xuân Linh** | **LV(CH) 686** | Thanh toán quốc tế/ tín dụng chứng từ/ ngân hàng TM/ VN |  |
| 2 | Tác động của đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc đối với nền kinh tế Việt Nam | **Lê Thị Hiếu** | **LV(CH) 681** | Đầu tư trực tiếp/ HQ/ VN |  |
| 3 | Tác động của đầu tư trực tiếp của Nhật Bản đối với nền kinh tế Việt Nam | **Phạm Thị Thu Hiệp** | **LV(CH) 680** | Đầu tư trực tiếp/ NB/ VN |  |
| 4 | Đầu tư FDI vào thị trường bán lẻ Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015 | **Trần Thùy Nhung** | **LV(CH) 924** | FDI/ thị trường bán lẻ/ VN/ 2010-2015 |  |
| 5 | Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Thái Nguyên: thực trạng và giải pháp | **Đỗ Thị Thu Trang** | **LV(CH) 685** | ODA/ Thái Nguyên |  |
| 6 | Viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản đối với Việt Nam giai đoạn từ năm 2000 đến nay | **Hồ Hương Giang** | **LV(CH) 683** | ODA/ NB/ VN/ từ 2000 đến nay |  |
| 7 | Viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Australia cho Việt Nam - Thực trạng và triển vọng | **Chu Văn Thịnh** | **LV(CH) 690** | ODA/ Australia/ VN |  |
| 8 | Phân tích chính sách tiền tệ của Cục dự trữ liên bang Mỹ và tác động đối với nền kinh tế thế giới | **Chu Thị Phương** | **LV(CH) 684** | Chính sách tiền tệ/ Cục dự trữ liên bang Mỹ |  |
| 9 | Tác động của khủng hoảng nợ công đến thể chế kinh tế của Liên minh châu Âu từ năm 2008 đến nay | **Nguyễn Thị Hương** | **LV(CH) 687** | Khủng hoảng nợ công/ thể chế KT/ EU/ từ 2008 đến nay |  |
| 10 | Khủng hoảng nợ công châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | **Trần Thị Lan** | **LV(CH) 734** | Khủng hoảng nợ công/ EU/ VN |  |
| 11 | Khủng hoảng giá dầu giảm 2014 - 2015 và tác động của nó | **Đỗ Mạnh Quân** | **LV(CH) 689** | Khủng hoảng giá dầu giảm/ 2014-2015 |  |
| 12 | Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản: Thực trạng và triển vọng | **Lý Sơn Tùng** | **LV(CH) 682** | Quan hệ KT/ VN - NB |  |
| 13 | Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam và các biện pháp phòng ngừa | **Nghiêm Xuân Hải Đăng** |  | VN/ rủi ro kinh doanh/ XNK |  |

1. **KHÓA II (2015 - 2017)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Quy tắc xuất xứ trong quan hệ thương mại Việt-Mỹ | **Nguyễn Thị Nguyệt Anh** | **LV(CH) 828** | QH Thương mại VN-Mỹ |  |
| 2 | Quan hệ thương mại Canada-Mỹ từ đầu thế kỷ XXI đến nay | **Nguyễn Minh Châu** |  | QH Thương mại Canada-Mỹ/TK XXI -nay |  |
| 3 | Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Phi: Thực trạng và triển vọng | **Đặng Quốc Dũng** | **LV(CH) 826** | QH Thương mại VN-Châu Phi |  |
| 4 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 1995-2016 | **Trần Hoàng Việt** | **LV(CH) 838** | QH Thương mại VN-Hoa kỳ/1995-2016 |  |
| 5 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Liên bang Nga giai đoạn 2006-2016 | **Lê Ngọc Toàn** | **LV(CH) 836** | QH Thương mại VN-Nga/2006-2016 |  |
| 6 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng từ năm 2006 - 2016 | **Lê Thị Thu Trang** | **LV(CH) 841** | FDI/Đà Nẵng/2006-2016 |  |
| 7 | FDI của Singapore vào Việt Nam giai đoạn 2006-2016: Thực trạng và triển vọng | **Lương Ngọc Tú** | **LV(CH) 833** | FDI Singapore-VN/2006-2016 |  |
| 8 | Khủng hoảng nợ công Hy Lạp và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | **Phạm Hương Ly** | **LV(CH) 842** | Nợ công Hy Lạp |  |
| 9 | Nợ nước ngoài của Việt Nam – Thực trạng và giải pháp | **Trần Thu Hoài** | **LV(CH) 829** | Nợ nước ngoài của VN |  |
| 10 | Tác động của tranh chấp biển đảo tới quan hệ kinh tế Trung Quốc – Nhật Bản và bài học cho Việt Nam | **Hà Thủy Tiên** | **LV(CH) 830** | QHKT TQ-NB/tranh chấp biển đảo |  |
| 11 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Singapore từ năm 2001 đến 2016 | **Lê Thùy Trang** |  | QHKT VN-Singapore/2001-2016 |  |
| 12 | Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC): Triển vọng và thách thức | **Hồ Tuấn Anh** | **LV(CH) 831** | Cộng đồng KT (AEC)/triển vọng thách thức |  |
| 13 | Cơ hội và thách thức của ngành ngân hàng Việt Nam khi gia nhập TPP | **Trần Mai Anh** | **LV(CH) 837** | Ngân hàng VN/TPP/Cơ hội, thách thức |  |
| 14 | Cơ hội đối với Việt Nam trong quá trình tham gia các FTA thế hệ mới | **Đào Thị Thu Hà** | **LV(CH) 827** | VN/FTA/cơ hội |  |
| 15 | Tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với ngành nông nghiệp Việt Nam | **Ngô Thị Thanh Hảo** | **LV(CH) 824** | TPP/nông nghiệp VN |  |
| 16 | Tác động của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu đến nền kinh tế Việt Nam | **Nguyễn Trọng Nhân** | **LV(CH) 839** | VN-EU/WTO |  |
| 17 | Cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương | **Nguyễn Bá Thi** | **LV(CH) 844** | Dệt may VN/TPP/Cơ hội thách thức |  |
| 18 | Tác động của Cộng đồng kinh tế ASEAN đến lĩnh vực Ngân hàng Việt Nam | **Nguyễn Huyền Trang** | **LV(CH) 823** | Cộng đồng KT ASEAN/Ngân hàng VN |  |
| 19 | Ngành sữa Việt Nam khi gia nhập TPP: Thực trạng và giải pháp | **Ngô Thị Yến** | **LV(CH) 832** | Ngành sữa VN/TPP |  |
| 20 | Xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh ở nước ngoài | **Lê Minh Hậu** | **LV(CH) 843** | Văn hóa doanh nghiệp VN |  |
| 21 | Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | **Phạm Duy Quang** | **LV(CH) 835** | PT Công nghiệp hỗ trợ/bài học VN |  |
| 22 | Chuỗi cung ứng lạnh tại Ấn Độ và bài học cho Việt Nam | **Nguyễn Hà Tâm** | **LV(CH) 840** | Chuỗi cung ứng/Ấn Độ |  |

1. **KHÓA III (2016 - 2018)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Tình hình đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2016 | **Nguyễn Thị Huyền Trang** | **LV(CH) 876** | FDI Trung Quốc – VN/1991-2016 |  |
| 2 | Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam | **Vũ Tuấn Hưng** | **LV(CH) 872** | Đầu tư nước ngoài/giáo dục VN |  |
| 3 | Ảnh hưởng của ODA Nhật Bản tới nền kinh tế các nước Đông Nam Á – Trường hợp Việt Nam | **Tạ Trung Anh** | **LV(CH) 874** | ODA Nhật Bản/kinh tế ĐNA |  |
| 4 | Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA Nhật Bản đối với việc tăng cường nguồn lực cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy Việt Nam | **Chu Anh Tú** | **LV(CH) 881** | ODA Nhật Bản/tăng cường nguồn lực/PCCC |  |
| 5 | Hoàn thiện chính sách cho vay bất động sản của hệ thống ngân hàng Việt Nam | **Nguyễn Mạnh Tuấn** | **LV(CH) 1091** | VN-TL/2007-2017 |  |
| 6 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa kỳ từ 2000 đến 2017 và triển vọng đến 2020 | **Phạm Duy Tùng** |  | VN-HK/2000-2017/triển vọng 2020 |  |
| 7 | Cam kết về môi trường trong Hiệp định Thương mại Tự do “thế hệ mới” EVFTA đối với ngành thủy sản Việt Nam | **Phạm Thu Phương** | **LV(CH) 883** | EVFTA/ngành thủy sản |  |
| 8 | Liên kết kinh tế ASEAN – Nhật Bản: Thực trạng và triển vọng | **Phan Hoài Thu** | **LV(CH) 875** | Kinh tế ASEAN-NB |  |
| 9 | Tác động của liên kết kinh tế ASEAN đối với Việt Nam | **Nguyễn Đồng Trung** | **LV(CH) 882** | Liên kết KT ASEAN-VN |  |
| 10 | Hoạt động bán lẻ của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong quá trình hội nhập  | **Dương Minh Đức** | **LV(CH) 879** | Bán lẻ/Ngân hàng TMCP Kỹ thương/Hội nhập |  |
| 11 | Chính sách Bảo hiểm tiền gửi tại Nhật Bản và kinh nghiệm đối với Việt Nam | **Lê Thị Hồng Hạnh** | **LV(CH) 873** | Bảo hiểm tiền gửi tại NB |  |
| 12 | Quản lý kinh tế biển của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập | **Nguyễn Đăng Hiếu** | **LV(CH) 1084** | Kinh tế biển/VN |  |
| 13 | Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam trong quá trình hội nhập: cơ hội và thách thức | **Phan Huy Hùng** | **LV(CH) 880** | HĐ Tín dụng/ngân hàng TMCP NT Việt Nam |  |
| 14 | Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Ngân hàng Việt Nam trong quá trình hội nhập | **Lê Thị Thu Phương** | **LV(CH) 878** | Chất lượng nguồn nhân lực/Ngân hàng VN/ |  |
| 15 | Trừng phạt kinh tế của phương Tây đối với Nga và tác động đến kinh tế Việt Nam | **Lê Doãn Hồng Quân** |  | Kinh tế p. Tây/Nga |  |
| 16 | Đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang khối thị trường chung Nam Mỹ (Mercosur) | **Nguyễn Thị Thảo** | **LV(CH) 877** | Xuất khẩu của Việt Nam/ thị trường chung Nam Mỹ |  |

1. **KHÓA IV (2017 - 2019)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Tác động từ đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc đối với Việt Nam | **Phùng Văn Duyệt** | **LV(CH) 931** | FDI TQ-VN |  |
| 2 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Phú Thọ từ năm 2016 đến năm 2018: thực trạng và giải pháp | **Nguyễn Trung Hiếu** |  | FDI/Phú Thọ |  |
| 3 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam: thực trạng và những vấn đề đáng chú ý trong giai đoạn 2015 - 2017 | **Nguyễn Trọng Thanh Hải** | **LV(CH) 1092** | FDI/2015-2017 |  |
| 4 | Nguồn nhân lực Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế | **Đỗ Thanh Dũng** | **LV(CH) 922** | VN/HNKTQT |  |
| 5 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc từ sau khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 | **Ngô Văn Hoàng** | **LV(CH) 927** | VN-TQ/Bình thường hóa quan hệ/1991 |  |
| 6 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản sau khi ký Hiệp định đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản | **Lê Huy Ngọc Nhân** | **LV(CH) 923** | VN-NB/Hiệp định đối tác Kinh tế |  |
| 7 | Đóng góp của chính sách bảo hiểm tiền gửi đối với hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam | **Nguyễn Thị Huyền Trang** | **LV(CH) 932** | Bảo hiểm tiền gửi/HNKTQT/VN |  |
| 8 | Xây dựng Đặc khu Kinh tế: kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam | **Phạm Thị Hân** | **LV(CH) 928** | Đặc khu kinh tế |  |
| 9 | Giải pháp vượt rào cản chống bán phá giá hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ | **Dương Văn Mạnh** | **LV(CH) 935** | Xuất khẩu/Hoa Kỳ |  |
| 10 | Kinh nghiệm quốc tế về hoạt động bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đối với các mặt hàng thủy sản và đề xuất cho Việt Nam | **Nguyễn Thị Hồng Vân** | **LV(CH) 926** | BHTD/XNK/Thủy sản/VN |  |
| 11 | Hàng rào kỹ thuật trong quan hệ thương mại Mỹ - Việt Nam | **Phạm Thu Trang** | **LV(CH) 936** | QHTM/Mỹ - Việt Nam |  |
| 12 | Xây dựng thương hiệu nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế: thực trạng và triển vọng | **Đào Như Ngọc**  |  | Thương hiệu nông sản VN/thực trạng và triển vọng |  |
| 13 | Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với kinh tế Việt Nam | **Nguyễn Việt Anh** | **LV(CH)934** | VN/FTA/tác động |  |
| 14 | Triển vọng NAFTA và tác động đến quan hệ kinh tế khu vực | **Nguyễn Minh Quang** |  | NAFTA/Kinh tế khu vực |  |
| 15 | Tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Nguyễn Hải Anh** | **LV(CH) 933** | Tái cơ cấu/HNKTQT |  |
| 16 | Xử lý đổ vỡ ngân hàng – kinh nghiệm của Mỹ và bài học cho Việt Nam | **Triệu Hồng Hạnh** | **LV(CH) 925** | Đổ vỡ ngân hàng/VN |  |
| 17 | Chi trả tiền gửi được bảo hiểm: kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam | **Triệu Lan Hương** | **LV(CH) 930** | Bảo hiểm/VN |  |
| 18 | Giải pháp cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập | **Cao Văn Việt** |  | NHTM/hội nhập |  |
| 19 | Cải cách nông nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế | **Bùi Văn Vũ** | **LV(CH) 929** | Cải cách nông nghiệp/VN/HNKTQT |  |

1. **KHÓA V (2018 - 2020)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc tại Việt Nam trong ngành công nghiệp điện tử giai đoạn 2014 – 2019: Thực trạng và triển vọng | **Nguyễn Hoàng Quý Linh**  |  | FDI Hàn Quốc/ công nghiệp điện tử |  |
| 2 | Tác động của vốn FDI tới phát triển kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 | **Nguyễn Ngân Anh**  | **LV(CH) 1155** | ODA/Kinh tế Việt Nam |  |
| 3 | ODA Trung Quốc cho châu Phi từ năm 2000 đến năm 2018 | **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**  | **LV(CH) 1082** | ODA/ châu Phi |  |
| 4 | Rủi ro kinh tế với Anh và EU sau Brexit | **Trần Anh Tùng**  | **LV(CH) 1086** | Rủi ro kinh tế/ Brexit |  |
| 5 | Tăng cường hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trên lĩnh vực xuất nhập khẩu | **Nguyễn Ngọc Anh**  |  | Hợp tác kinh tế/ xuất nhập khẩu |  |
| 6 | Ngoại giao kinh tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Phạm Văn Hiếu**  | **LV(CH) 1090** | Ngoại giao kinh tế/ hội nhập kinh tế quốc tế |  |
| 7 | Giải pháp tăng cường vai trò của hoạt động bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Lê Văn Huấn**  |  | Bảo hiểm tiền gửi/ hội nhập |  |
| 8 | Tác động của Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc đến kinh tế các nước ASEAN | **Tạ Phương Anh**  | **LV(CH) 1088** | Sáng kiến vành đai và con đường/ASEAN |  |
| 9 | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam | **Lương Đức Cương**  | **LV(CH) 1087** | Cạnh tranh thương mại/Ảnh hưởng VN |  |
| 10 | Tăng cường quản lý hoạt động các Hiệp định thương mại tự do (FTA) của Việt Nam và tác động với nền kinh tế Việt Nam | **Đỗ Ngọc Quỳnh Anh**  | **LV(CH) 1083** | FTA/Tác động kinh tế VN |  |
| 11 | Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến kinh tế Việt Nam | **Tòng Thị Thùy Vân**  |  | CPTPP/Kinh tế VN |  |
| 12 | Cải cách WTO và những tác động đến quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam | **Nguyễn Trung Kiên**  | **LV(CH) 1089** | WTO/ Việt Nam |  |
| 13 | Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tới ngành dệt may Việt Nam | **Trịnh Thị Diệu**  | **LV(CH) 1085** | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung/ dệt may Việt Nam |  |

1. **KHÓA VI (2019-2021)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
|  | Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới | **Nguyễn Thị Doan** |  | Cơ hội và thách thức/ xuất khẩu thủy sản Việt Nam/ bối cảnh EVFTA |  |
|  | Chính sách tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế | **Nguyễn Thị Thùy Dung** |  | Chính sách tiền tệ |  |
|  | Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ năm 2007 đến nay | **Đặng Anh Đào** |  | Xuất khẩu nông sản - Việt Nam |  |
|  | Xung đột thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản từ năm 2018 đến nay | **Nguyễn Chu Thu Hằng** |  | Xung đột thương mại/ Hàn Quốc - Nhật Bản |  |
|  | Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến thương mại của Việt Nam | **Phạm Thanh Huế** | **LV(CH) 1137** | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung/ Việt Nam |  |
|  | Vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong hội nhập và phát triển kinh tế của Việt Nam | **Nguyễn Sỹ Hùng** | **LV(CH) 1132** | Cộng đồng người Việt ở nước ngoài/Phát triển kinh tế |  |
|  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc vào Việt Nam: Cơ hội và thách thức | **Tống Khánh Linh** |  | FDI Trung Quốc vào Việt Nam/ Cơ hội và thách thức |  |
|  | Tác động của Brexit đến quan hệ thương mại Việt - Anh | **Phan Ngọc Mai** | **LV(CH) 1136** | Brexit/ quan hệ thương mại Việt - Anh |  |
|  | Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2008 - 2020 | **Nguyễn Đức Phúc** | **LV(CH) 1135** | Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung/ kinh tế 2008 - 2020 |  |
|  | Cơ hội và thách thức trong xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU trong bối cảnh thực hiện EVFTA | **Bùi Nam Sơn** |  |  |  |
|  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 - 2021 | **Phạm Ngọc Sơn** |  | FDI/ Hà Nội (2011 – 2021) |  |
|  | Phát triển kinh tế Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức | **Nguyễn Thị Hương Thảo** | **LV(CH) 1133** | Kinh tế Việt Nam/ cách mạng công nghiệp 4.0 |  |
|  | Kinh tế Mỹ dưới thời Tổng thống Donald trump  | **Lê Xuân Thuận** | **LV(CH) 1134** | Kinh tế Mỹ/ Donald trump |  |
|  |  | **Nguyễn Thế Trung** |  |  |  |
|  | Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ của Ngân hàng Shinhan Hàn Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018 | **Vũ Anh Tuấn** |  | Phát triển thị trường bán lẻ/ Shinhan bank/2015 – 2018 |  |
|  | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2019 | **Trần Thu Vân** |  | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc/2015 - 2019 |  |

1. **KHÓA VII (2020-2022)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
|  | Căng thẳng thương mại Trung Quốc - Úc trong giai đoạn 2018 - 2021 | **Vũ Hồng Anh** |  | Căng thẳng thương mại/ Trung Quốc – Úc/ 2018 - 2021 |  |
|  | Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến kinh tế đối ngoại của Trung Quốc | **Lê Mai Hoàng Anh** |  | chiến tranh thương mại Mỹ - Trung |  |
|  | Thực trạng chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2020 và triển vọng đến năm 2030 | **Trần Kim Chi** |  | chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài |  |
|  | Tác động của đại dịch COVID - 19 đến thương mại quốc tế của Việt Nam | **Nguyễn Văn Dương** |  | đại dịch COVID – 19/ thương mại quốc tế của Việt Nam |  |
|  | Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID - 19 | **Trần Minh Đức** |  | thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam/ đại dịch COVID - 19 |  |
|  | Vai trò của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RECP) đối với kinh tế Trung Quốc | **Trương Hồng Giang** |  | Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực/ kinh tế Trung Quốc |  |
|  | Tác động của rào cản kỹ thuật của EU đối với xuất khẩu nông sản Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) | **Phạm Hoàng Giang** |  | rào cản kỹ thuật của EU/ xuất khẩu nông sản Việt Nam/ EVFTA |  |
|  | Cạnh tranh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa Việt Nam và Ấn Độ trong giai đoạn 2005 - 2020: thực trạng và giải pháp | **Nguyễn Hồng Hải** |  | đầu tư trực tiếp nước ngoài/ Việt Nam và Ấn Độ |  |
|  | Xuất khẩu công nghệ đô thị thông minh của Trung Quốc và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam | **Phạm Trung Hải** |  | công nghệ đô thị thông minh/ Trung Quốc |  |
|  | Tác động của Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đến xuất nhập khẩu dệt may của Việt Nam | **Phạm Trung Hiếu** |  | EVFTA/ xuất nhập khẩu dệt may |  |
|  | Thúc đẩy xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) | **Doãn Khánh Huyền** |  | xuất khẩu dệt may/ EVFTA |  |
|  | Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) | **Huỳnh Văn Tấn Huy** |  | xuất khẩu nông sản Việt Nam/ EU/ EVFTA |  |
|  | Ảnh hưởng và giải pháp tháo gỡ cáo buộc thao túng tiền tệ của Bộ Tài chính Mỹ đối với Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2021 | **Lê Tuấn Huy** |  | cáo buộc thao túng tiền tệ/ Bộ Tài chính Mỹ |  |
|  | Thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước thuộc Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU) trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do | **Lê Nguyên Kiên** |  | quan hệ thương mại/ Liên minh kinh tế Á – Âu/ Hiệp định thương mại tự do |  |
|  | Kinh nghiệm phát triển chuỗi cung ứng xuất khẩu xoài của Thái Lan và bài học cho Việt Nam | **Trần Diệu Linh** |  | chuỗi cung ứng xuất khẩu xoài/ Thái Lan |  |
|  | Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP): cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam | **Đào Hải Linh** |  | RCEP/ kinh tế Việt Nam |  |
|  | Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) tới quan hệ thương mại Việt Nam - Vương quốc Anh | **Lê Nguyễn Khánh Linh** |  | Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh |  |
|  | Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn 2010 - 2020 và triển vọng đến năm 2030 | **Huỳnh Việt Long** |  | hội nhập kinh tế quốc tế |  |
|  | Thực trạng thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) công nghệ cao từ Hoa Kỳ vào Việt Nam từ năm 1995 đến năm 2021 | **Nguyễn Hoàng Long** |  | thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài/ công nghệ cao/ Hoa Kỳ - Việt Nam |  |
|  | Ngành dệt may Việt Nam trong và sau đại dịch COVID - 19 | **Trần Duy Long** |  | dệt may Việt Nam/ đại dịch COVID - 19 |  |
|  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài của CHLB Đức tại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 và dự báo giai đoạn 2020 - 2030 | **Vũ Đức Mạnh** |  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài/ CHLB Đức – Việt Nam |  |
|  | Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ trong giai đoạn 2016 - 2020 và triển vọng đến năm 2030 | **Nguyễn Vũ Nam** |  | Quan hệ thương mại/ Việt Nam - Hoa Kỳ |  |
|  | Tác động của giá dầu thế giới đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2021 | **Dương Thùy Nga** |  | giá dầu thế giới/ tăng trưởng kinh tế Việt Nam |  |
|  | Tác động của đại dịch COVID - 19 đến dịch vụ du lịch quốc tế của Việt Nam | **Nguyễn Khắc Sơn** |  | đại dịch COVID – 19/ du lịch quốc tế  |  |
|  | Tác động của Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam | **Trần Minh Quang** |  | EVFTA/ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam |  |
|  | Tác động của Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đến các ngân hàng thương mại của Việt Nam | **Lê Thu Thủy** |  | EVFTA/ ngân hàng thương mại/ Việt Nam |  |
|  | Chiến lược phát triển thị trường nhóm sản phẩm dịch vụ Công nghệ thông tin của VNPT trong đại dịch COVID - 19 | **Nguyễn Đức Trung** |  | thị trường nhóm sản phẩm dịch vụ Công nghệ thông tin/ VNPT/ đại dịch COVID - 19 |  |

1. **KHÓA VIII (2021-2023)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
|  | Tác động của những cam kết về khí hậu đến phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam | Lưu Trí Dũng |  | cam kết về khí hậu/ kinh tế xanh |  |
|  | Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn 2012 - 2022 | Nguyễn Hữu Định |  | Quan hệ thương mại/ Việt Nam - Trung Quốc |  |
|  | Hợp tác kinh tế Việt Nam - Nga dưới tác động của các biện pháp trừng phạt của Mỹ và phương Tây liên quan đến xung đột tại Ukraine | Tiến Thị Thu Huyền |  | Hợp tác kinh tế/ Việt Nam – Nga/ biện pháp trừng phạt |  |
|  | Quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ giai đoạn 2016 - 2022: thực trạng và triển vọng | Nguyễn Trọng Nghĩa |  | Quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ |  |
|  | Kinh nghiệm phát triển kinh tế xanh của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam | Trần Anh Phương |  | phát triển kinh tế xanh |  |
|  | Quan hệ hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với Ngân hàng Thế giới từ năm 2012 đến năm 2022 | Lê Thu Sang |  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Thế giới |  |
|  | Quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước thành viên CPTPP tại khu vực Mỹ Latinh | Phạm Quang Thái |  | Việt Nam/ nước thành viên CPTPP |  |
|  | Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong bối cảnh thực thi Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) | Đặng Đình Toàn |  | xuất khẩu hàng dệt may/ Việt Nam/ Nhật Bản/ RCEP |  |
|  | Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam trong bối cảnh tham gia các FTA thế hệ mới | Vũ Quỳnh Trang |  | chuyển đổi số/ doanh nghiệp vừa và nhỏ |  |
|  | Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao từ Liên minh châu Âu EU: thực trạng và giải pháp cho Việt Nam | Nguyễn Thành Trung |  | vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài/ Liên minh châu Âu EU |  |
|  | Xu hướng điều chỉnh biên giới các - bon trên thế giới và chính sách đối với Việt Nam | Nguyễn Đức Tường |  | biên giới các - bon |  |

1. **KHÓA IX (2022 - 2024)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
|  | Tác động của lạm phát 2022 đến kinh tế thế giới | **Lê Đức Anh** |  |  |  |
|  | Vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại quốc tế | **Trần Hồng Anh** |  |  |  |
|  | Cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung giai đoạn 2018-2023: cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam | **Trịnh Thị Phương Anh** |  |  |  |
|  | Nhận diện xu hướng thương mại quốc tế thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động đến thương mại quốc tế của Việt Nam | **Nguyễn Quang Bình** |  |  |  |
|  | Công tác chuyển đổi số tại Cục phục vụ Ngoại giao đoàn trong hoạt động Ngoại giao kinh tế của Bộ Ngoại giao | **Đỗ Mạnh Hà** |  |  |  |
|  | Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA | **Đào Việt Hằng** |  |  |  |
|  | Kinh tế Liên minh châu Âu trong bối cảnh cuộc xung đột Nga - Ukraine | **Bùi Thu Hương** |  |  |  |
|  | Quá trình thực hiện EVFTA của Việt Nam và những bài học kinh nghiệm | **Hoàng Diệu Linh** |  |  |  |
|  | Hợp tác kinh tế Nga - Trung Quốc dưới tác động của lệnh cấm vận đối với Nga | **Trần Nhật Linh** |  |  |  |
|  | Tối ưu hóa hiệu quả nguồn nhân lực: cơ hội và thách thức đối với thị trường tài chính quốc tế và Việt Nam | **Trần Nhã Nam** |  |  |  |
|  | Vai trò của tuyến đường sắt Lào - Trung đối với nền kinh tế Lào | **Chu Văn Năng** |  |  |  |
|  | Cơ hội và thách thức của Việt Nam trong quá trình thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP | **Hứa Thị Phương** |  |  |  |
|  | Kinh tế tuần hoàn trong ngành dệt may: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | **Hà Thủy Tiên** |  |  |  |
|  | Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc và tác động đến kinh tế Việt Nam | **Đỗ Xuân Toàn** |  |  |  |
|  | Độc quyền nhóm của ngành hàng không Singapore và Mỹ, bài học cho Việt Nam | **Nguyễn Trần Bảo Tuấn** |  |  |  |
|  | Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc: thực trạng và triển vọng | **Phạm Thị Thu Thanh** |  |  |  |
|  17 | Tác động của cuộc xung đột Nga - Ukraine đến giá lương thực toàn cầu | **Trần Quốc Thắng** |  |  |  |
|  18 | Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản sau Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) | **Công Thu Trang** |  |  |  |

1. **KHÓA X (2023 – 2025)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu thông tin** | **Ghi chú** |
| **1** | Quản lý nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Nam Định trong bối cảnh mới | **Đoàn Thanh Dung** |  |  |  |
| **2** | Ứng dụng kinh tế số trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam: Thực trạng và triển vọng | **Hồ Thị Giang** |  |  |  |
| **3** | Tác động của thuế tối thiểu toàn cầu đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam | **Nguyễn Quỳnh Mai** |  |  |  |
| **4** | Phát triển thương mại điện tử tại Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2025 và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam  | **Phạm Hồng Mai** |  |  |  |
| **5** | Kinh nghiệm phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Đài Loan và Hàn Quốc: Bài học cho Việt Nam | **Hà Kiều Oanh** |  |  |  |
| **6** | Quan hệ hợp tác lao động giữa Việt Nam và Đài Loan giai đoạn 2000 - 2025  | **Nguyễn Đình Thái San** |  |  |  |
| **7** | Giải pháp nâng cao công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử của nhà cung cấp nước ngoài | **Nguyễn Phương Thảo** |  |  |  |
| **8** | Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành năng lượng tái tạo của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025 | **Nguyễn Phan Thảo Uyên** |  |  |  |
| **9** | Thực trạng và triển vọng xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường EU | **Nguyễn Thị Thục Uyên** |  |  |  |
| **10** | Kinh nghiệm phát hành và sử dụng hiến pháp định kỹ thuật số ở Mỹ và Trung Quốc: Bài học cho Việt Nam | **Vũ Hoàng Trung Anh** |  |  |  |
| **12** | Thực trạng và triển vọng xuất khảu cá tra của Việt Nam sang thị trường EU | **Biện Gia Hưng** |  |  |  |
| **14** | Kinh tế Nga giai đoạn 2022 -2025 trước các lệnh trưng phạt của EU | **Đỗ Hương Ly** |  |  |  |
| **15** | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành chăn nuôi heo Việt Nam: thực trạng, ảnh hưởng và đề xuất | **Chu Anh Quân** |  |  |  |
| **16** | Giải pháp thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ Đức vào Việt Nam | **Dương Anh Quân** |  |  |  |
| **17** | Ảnh hưởng của căng thẳng địa chính trị Mỹ - Trung đến chuỗi cung ứng ngành điện tử toàn cầu và một số hàm ý đối với Việt Nam | **Đoàn Thị Hà Thu** |  |  |  |